CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP May Hữu Nghị

Ngày 28/06/2024	23,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.7%	**18.6%**	**17.5%**

DT thuần
Q2/24
393
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 213| 118%
YoY: ▲ 87.0| 28.5%

LN thuần
Q2/24
21.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.1| 89.7%
YoY: ▲ 7.20| 50.9%

LN sau thuế
Q2/24
16.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.60| 83.5%
YoY: ▲ 5.60| 50.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
5.4%
YoY: +/-▼ 0.9%

ROE (TTM)
Q2/24
16.8%
YoY: +/-▲ 2.7%

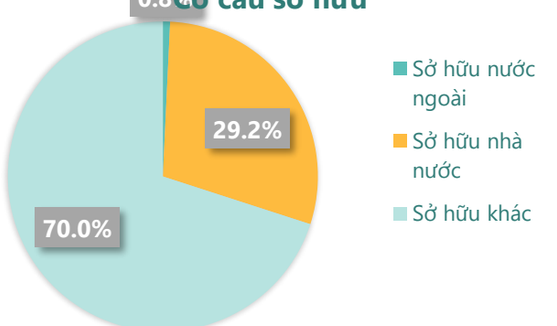
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	17,189 - 25,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	559
Số lượng CPLH (CP)	23,777,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,940
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	(0.10)
EPS	2,719
P/E	8.6

DT thuần
6T 2024
573
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 94.0| 19.7%

LN thuần
6T 2024
32.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.40| 34.3%

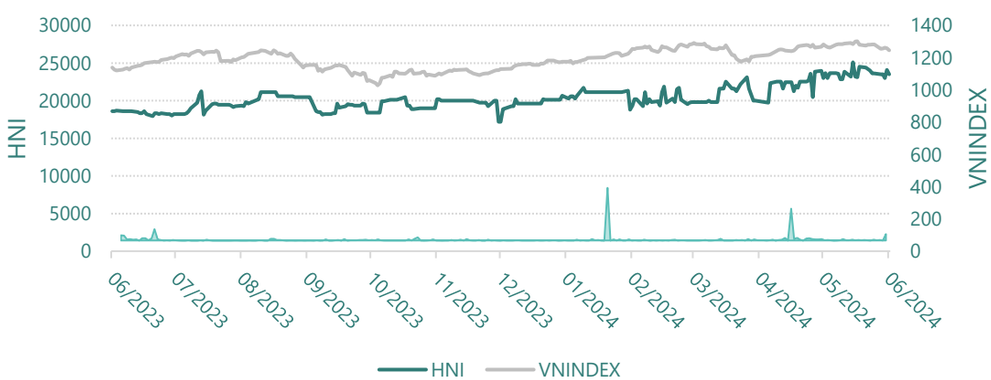
LN sau thuế
6T 2024
25.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.40| 32.8%

Cơ cấu sở hữu

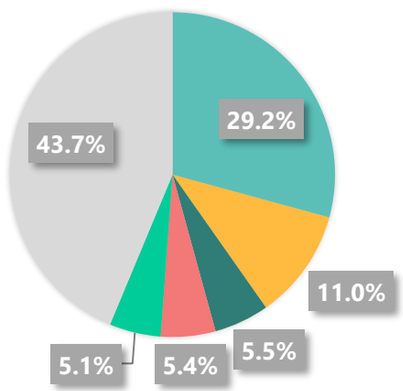


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

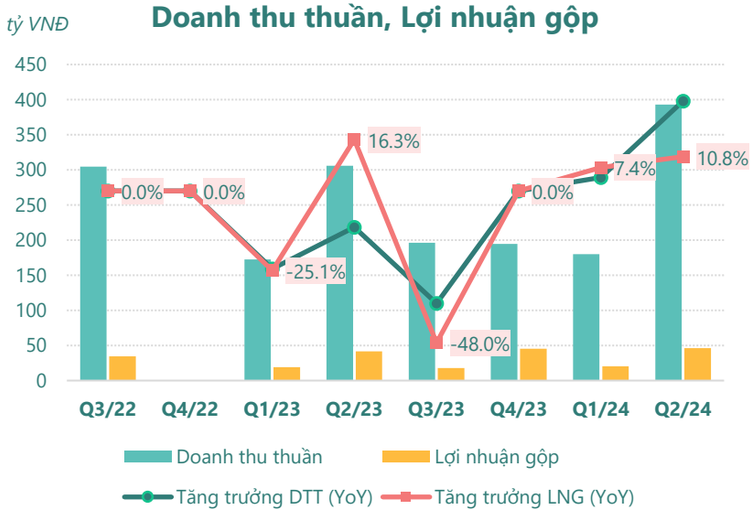


Tập đoàn Dệt may Việt Nam
Hà Văn Duyệt (Chủ tịch HĐQT)
Kiều Ngọc Mạnh Hùng
Hà Văn Nghĩa (Thành viên HĐQT)
Hà Văn Long (Thành viên HĐQT)
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

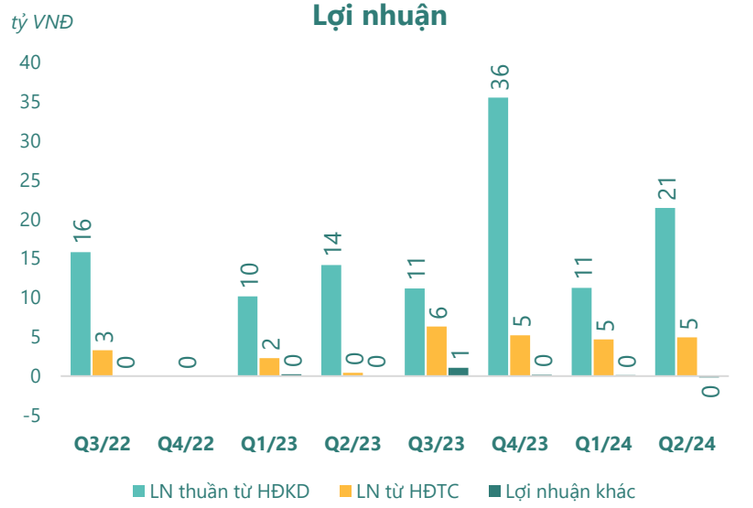
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



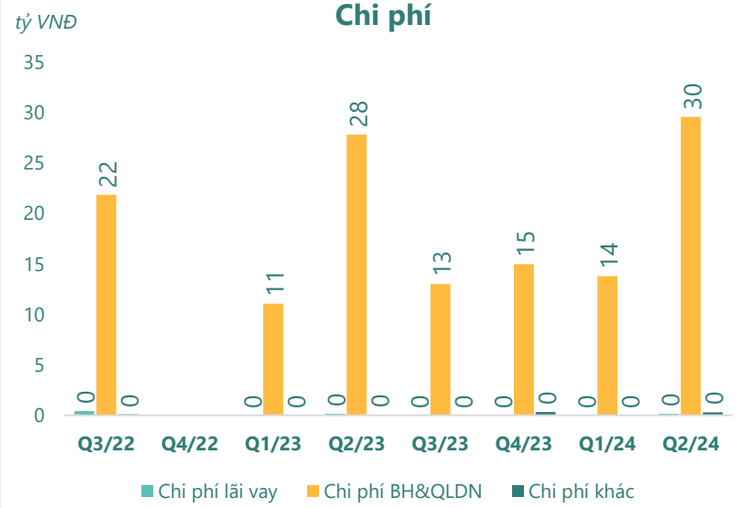
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



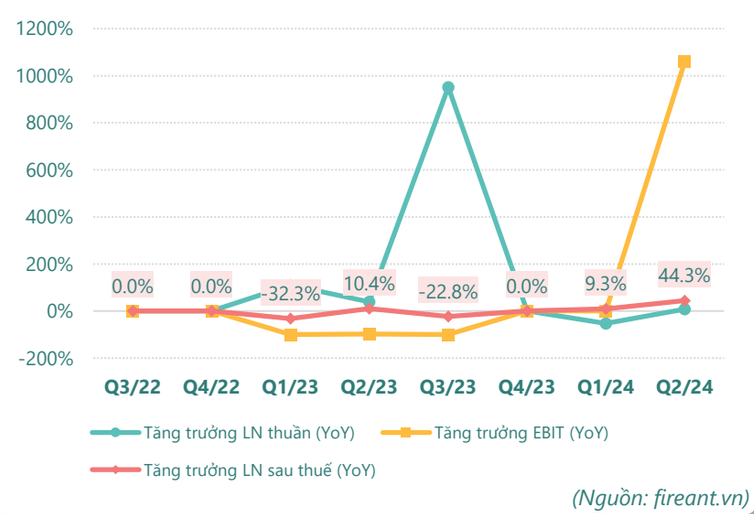
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



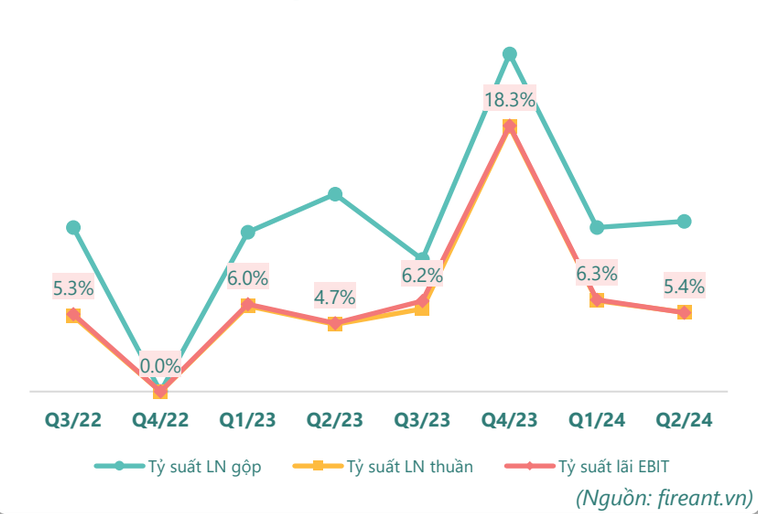
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



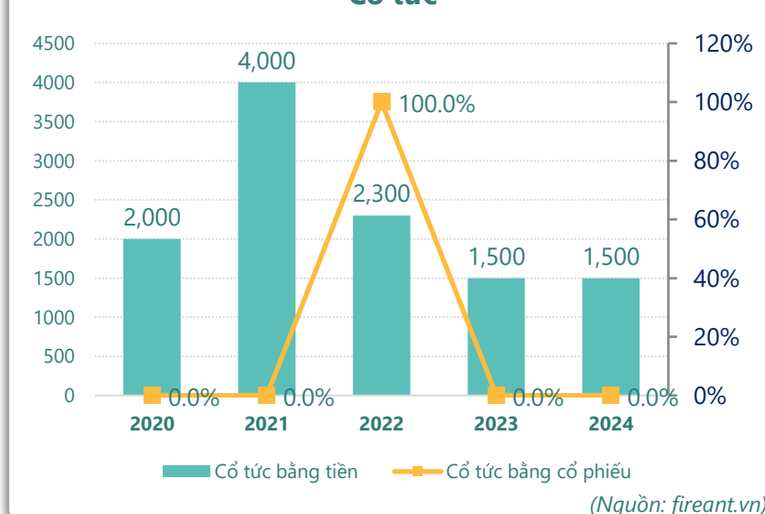
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

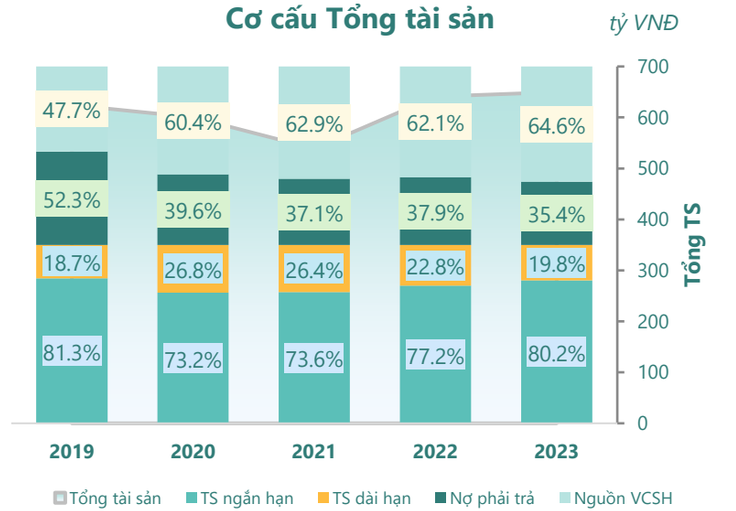
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

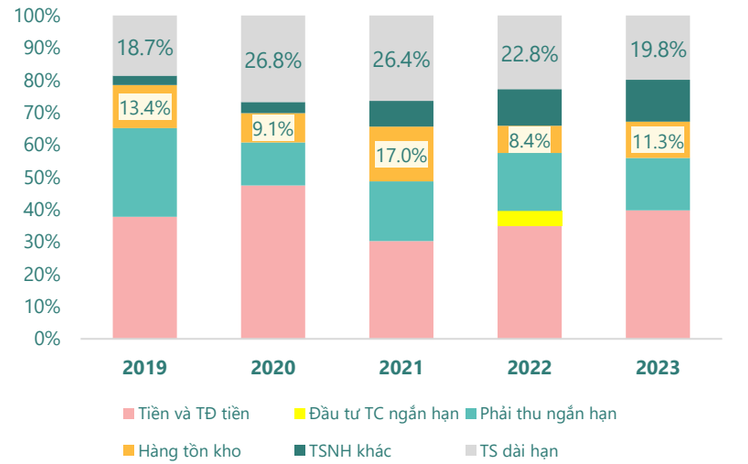
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



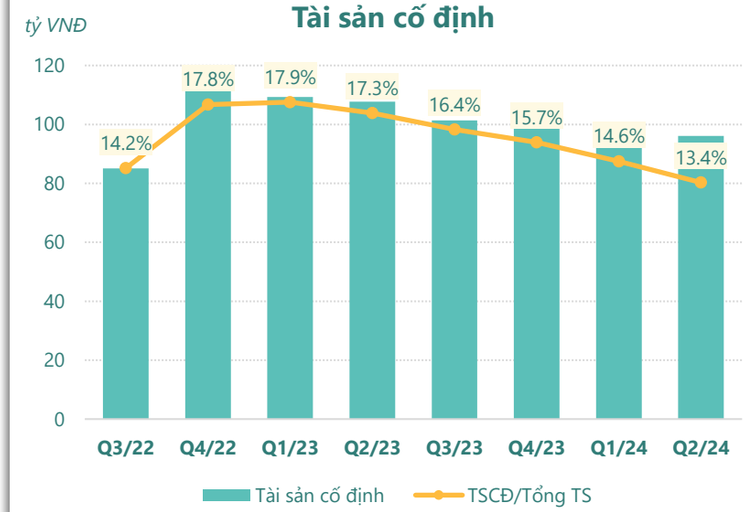
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



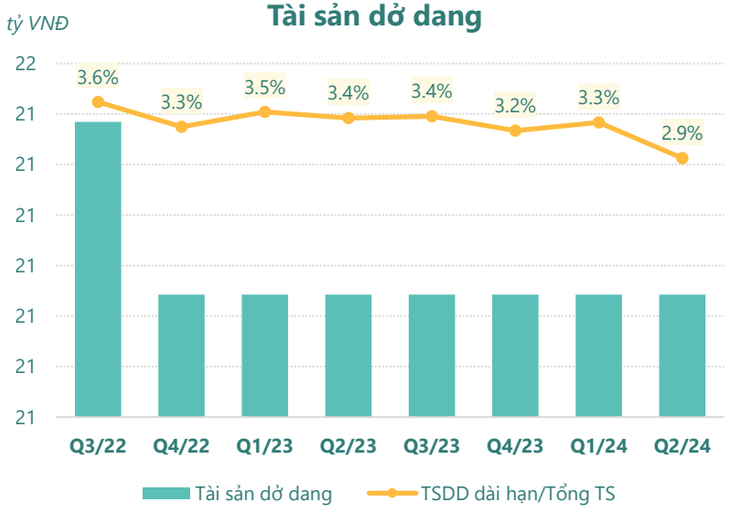
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



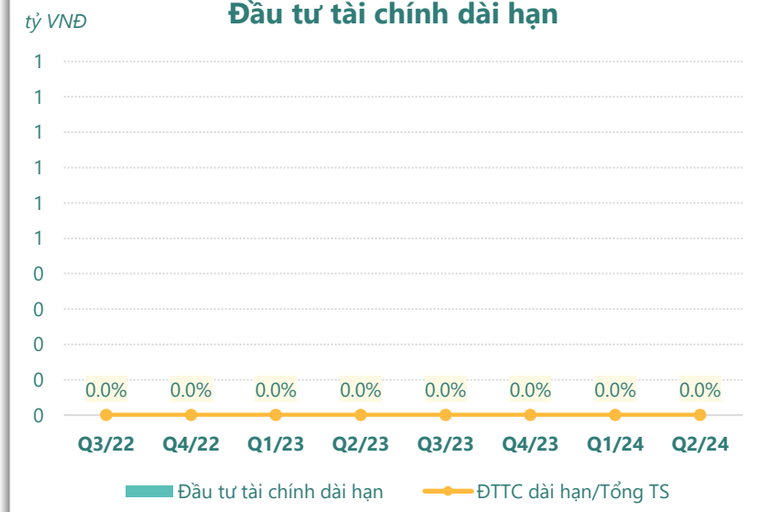
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



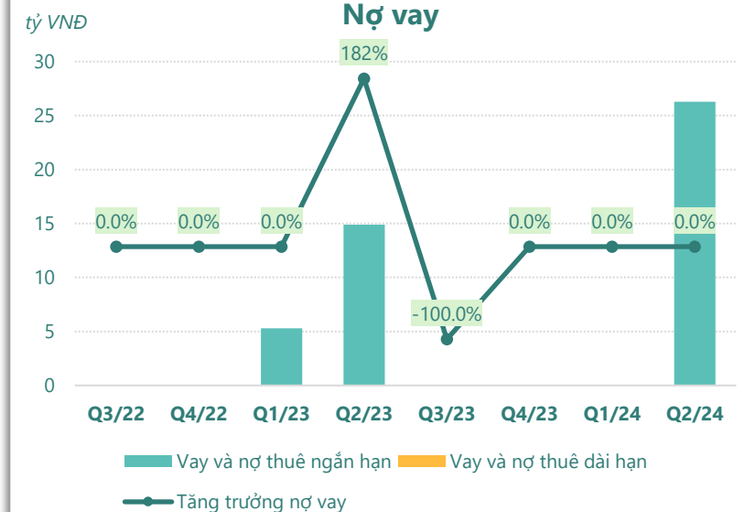
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

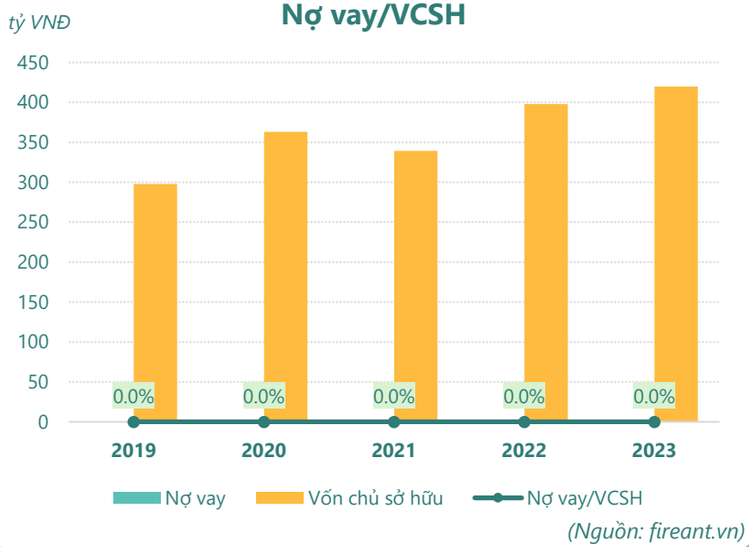
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

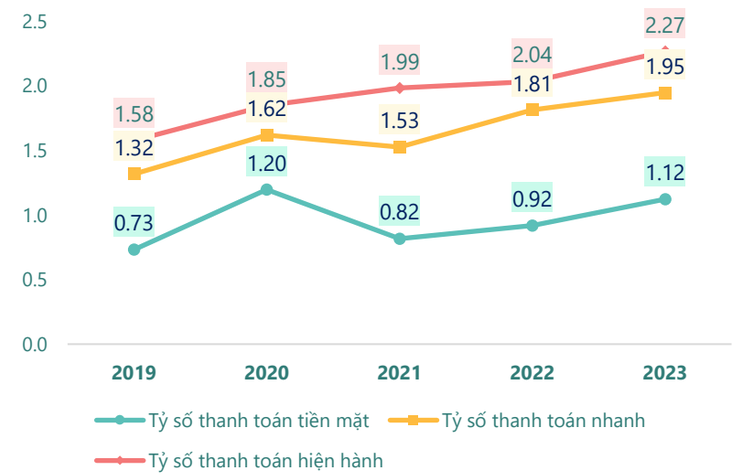
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



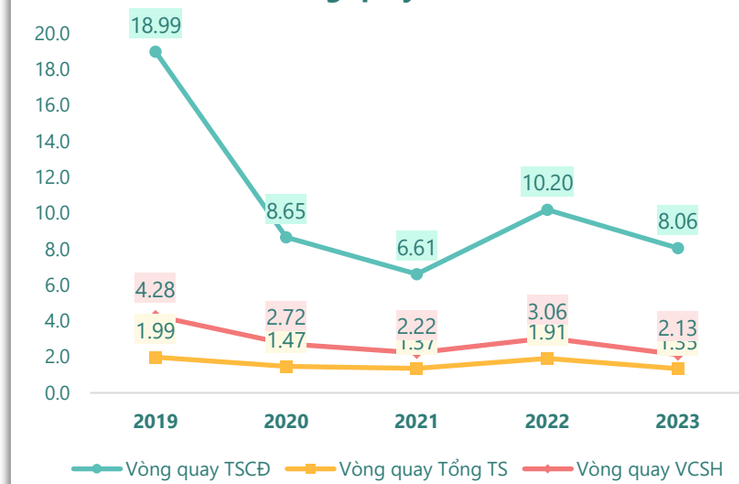
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



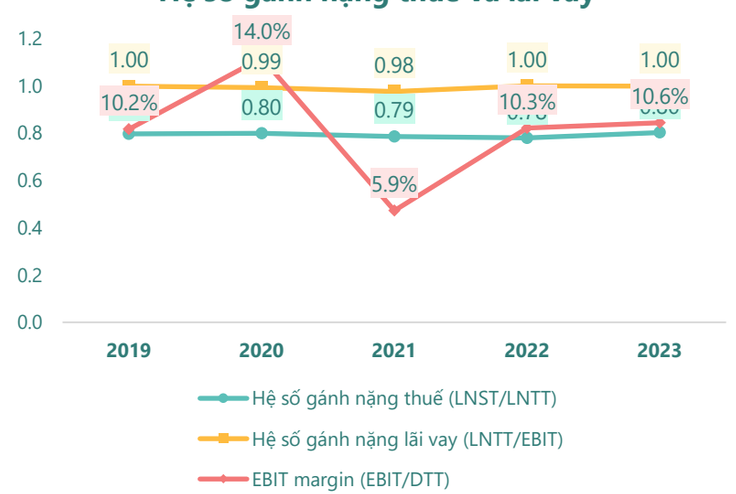
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



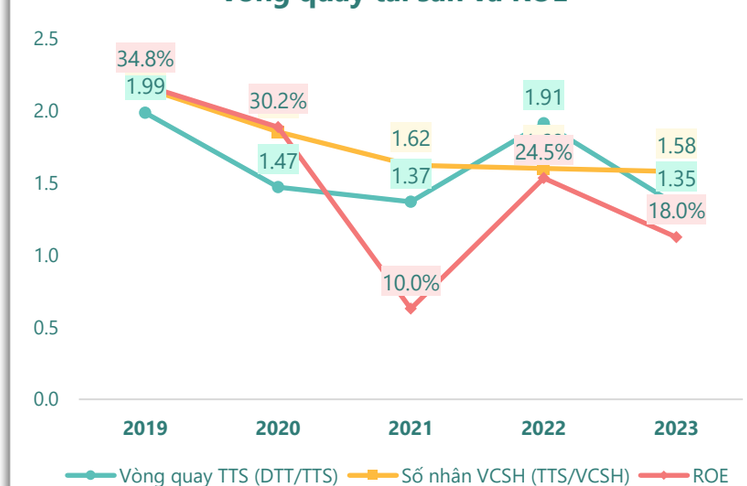
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



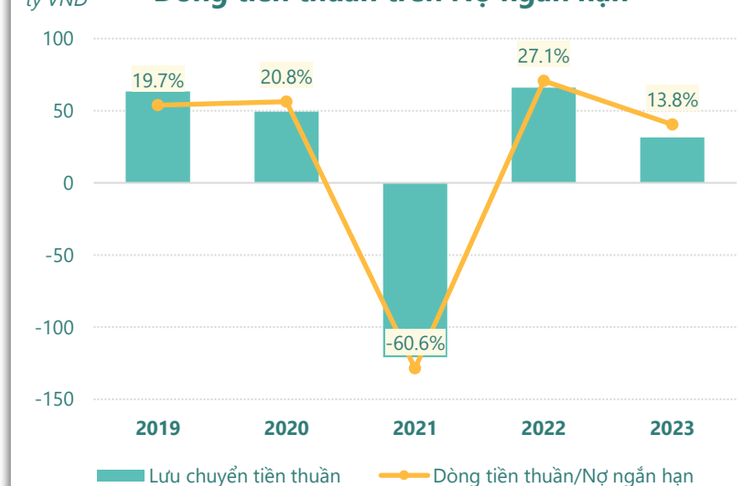
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**393**	**306**	**28.5%**	**573**	**479**	**19.7%**
Giá vốn hàng bán	347	264	31.4%	507	418	21.2%
Lợi nhuận gộp	46.1	41.6	10.8%	66.5	60.6	9.8%
Doanh thu HĐTC	7.23	3.06	136%	12.8	7.26	76.1%
Chi phí TC	2.30	2.62	-12.2%	3.16	4.53	-30.3%
Chi phí lãi vay	0.14	0.16	-10.8%	0.14	0.16	-12.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	5.66	5.82	-2.7%	8.73	8.32	5.0%
Chi phí QLDN	**23.9**	**22.0**	**8.8%**	**34.7**	**30.6**	**13.2%**
LN thuần từ HĐKD	21.4	14.2	50.9%	32.7	24.3	34.3%
Lợi nhuận khác	**-0.18**	**0.08**	**-331%**	**-0.07**	**0.32**	**-123%**
LN trước thuế	21.2	14.3	48.6%	32.6	24.7	32.3%
Lợi nhuận sau thuế	**16.7**	**11.1**	**50.4%**	**25.8**	**19.4**	**32.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**16.7**	**11.1**	**50.4%**	**25.8**	**19.4**	**32.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-75.6	126	13.1	14.5	-51.5	132
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-61.0	-5.77	28.6	29.2	0.45	-19.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.29	-26.1	-14.9	0	0	-9.38
Tiền đầu kỳ	224	93.1	188	213	258	210
Lưu chuyển tiền thuần	**-131**	**94.3**	**26.8**	**43.7**	**-51.1**	**104**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.78	0.16	-0.93	0.83	2.98	-2.98
Tiền cuối kỳ	93.1	188	213	258	210	311

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**718**	**650**	**10.6%**
Tài sản ngắn hạn	597	521	14.6%
Tiền và tương đương tiền	311	258	20.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	115	105	9.0%
Hàng tồn kho	154	73.2	110%
Tài sản ngắn hạn khác	17.2	84.3	-79.6%
Tài sản dài hạn	**122**	**129**	**-5.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	96.1	102	-5.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	21.0	21.0	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.71**	**6.15**	**-23.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	317	230	37.8%
Nợ ngắn hạn	**317**	**230**	**37.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.3	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	48.8	26.2	85.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**402**	**420**	**-4.3%**
Vốn chủ sở hữu	**402**	**420**	**-4.3%**
Vốn điều lệ	238	238	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)